TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------

Bản án số: 40/2020/HS- ST
Ngày 16 tháng 11 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông **Phạm Bá Hân**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Nguyễn Thanh Bình**

Ông **Đào Văn Thao**

***- Thư ký phiên toà*:** Bà **Vũ Thị Thu Hiền** – Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông **Đỗ Văn Tú**- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2020/HSST ngày 21/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST- HS ngày 04/11/2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D sinh năm 1991. Giới tính: Nam

Nơi sinh, hộ khẩu thường trú, chỗ ở: Thôn T, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị V

Vợ: Nguyễn Thị H

Con: 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - Ngày 30/12/2010, bị Toà án nhân dân huyện Thanh Miện xử phạt 09 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Ngày 04/11/2015, bị Công an huyện Thanh Miện quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền.

- Ngày 12/01/2016, bị Công an huyện Bình Giang quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 29/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 02/7/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ân Thi.

2. Phạm Văn H sinh năm 1998. Giới tính: Nam.

Nơi sinh, hộ khẩu thường trú, chỗ ở: Thôn D, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị T

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: - Ngày 25/3/2016, bị Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh H Dương xử phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 26/4/2016, bị Toà án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh H Dương xử phạt 27 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

- Ngày 19/8/2016, bị Toà án nhân dân huyện Thanh Miện xử phạt 22 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tổng hợp với hình phạt 21 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và 27 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ tại hai bản án trước; buộc H pH chấphảiành hình phạt chung của ba bản án là 70 tháng tù. Chấphảiành xong hình phạt tù ngày 30/3/2020.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 01/7/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ân Thi.

3. Nguyễn Công T sinh năm 1996. Giới tính: Nam.

Nơi sinh, hộ khẩu thường trú, chỗ ở: Thôn Đào Lâm, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12.

Con ông Nguyễn Công Nơi và bà Nguyễn Thị N

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 26/6/2020, chuyển tạm giam từ ngày 01/7/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ân Thi.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Chị Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Huệ Lai, xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn T sinh năm 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn H, xã Phù Ủng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

2. Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1984 (vắng mặt)

Mẹ đẻ là Nguyễn Thị V sinh năm 1963 có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N sinh năm 1973 (có mặt)

4. Anh Trần Văn A sinh năm 1989 (vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn T, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương.

5. Anh Phạm Văn O sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: Thôn D, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương.

Người đại diện của anh Phạm Văn O:

Ông Phạm Văn N sinh năm 1961 (vắng mặt)

Vợ là Nguyễn Thị T sinh năm 1962 có mặt.

Trú tại: Thôn D, xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương.

Người làm chứng:

1. **Ông Nguyễn Văn B** (có mặt)

2**. Anh Trần D** (vắng mặt)

3**. Anh Nguyễn Công T** (vắng mặt)

4. **Ông Bùi D** (vắng mặt)

5**. Chị Phạm Thị L** (vắng mặt)

6. **Chị Trương Thị Bích H** (có mặt)

7. **Bà Nguyễn Thị N** (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 24/6/2020, Phạm Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen – trắng biển số 34F1-134.08 chở Nguyễn Văn D còn Nguyễn Công T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng biển số 34B1-080.77 đến uống bia cùng nhau tại quán bia của gia đình chị Phạm Thị L ở thôn Kim Giang Tây, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày, D ra trả tiền uống bia thì chị L nói hết số tiền 250.000 đồng, do không có tiền nên D đã đưa chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng của mình cho chị L và hẹn chiều quay lại trả tiền, chị L đồng ý. Sau đó, D đi ra nói với H và T: "*Anh không cầm tiền nên để điện thoại ở đây, anh em mình đi làm vụ*" (ý D là rủ H và T đi cướp giật tài sản của người đi đường lấy tiền trả

tiền uống bia), H và T đều hiểu và đồng ý. Cả ba đi về nhà D, D nói tiếp: "*Bây giờ đi sang Hưng Yên làm vụ cướp giật tài sản*" H và T đều đồng ý, D bảo T "*Đi sau bao đường*" (ý D là T đi sau cản trở việc chủ tài sản truy đuổi), T cũng đồng ý. Lúc này, D đang mặc áo phông cộc tay màu đen, quần soóc bò màu xám, đi giầy vải màu bạc, đeo kính màu đen, đeo khẩu trang màu xám; H đang mặc áo dài tay màu đỏ, quần soóc màu đen, đi dép nhựa màu đỏ, đội mũ bảo hiểm màu đen, đeo khẩu trang màu xanh, còn T đang mặc quần soóc màu bạc, áo phông màu đen, khoác ngoài áo sơ mi màu vàng đen, đội mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu trắng, đeo khẩu trang màu vàng. H hỏi D: "*Nhà anh có đồ tháo biển không*", D nói: "*Không, đi ra ngoài kia anh mượn ở quán sửa xe cho*". Cả ba đi đến quán sửa xe của gia đình bà Nguyễn Thị N sinh năm 1963 ở thị tứ Lam Sơn, huyện Thanh Miện, D vào mượn cờ-lê đưa cho H tháo biển số 34F1-134.08 của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen – trắng đưa cho T cất vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu trắng biển số 34B1-080.77. Sau đó, H điều khiển xe mô tô không treo biển số chở D ngồi sau, còn T điều khiển xe mô tô biển số 34B1-080.77 đi vào địa phận tỉnh Hưng Yên theo tỉnh lộ 386 rồi rẽ vào đường 376 với mục đích thấy người đi đường sơ hở thì cướp giật tài sản. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, D, H và T đi đến ngã năm vòng xuyến thuộc địa phận thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh, huyện Ân Thi thì rẽ phải vào Quốc lộ 38 theo hướng đi thị trấn Kẻ Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh H Dương. Đi tiếp được khoảng 2km thì H nhìn thấy anh Phạm Văn T sinh năm 1991 điều khiển xe mô tô biển số 17B3-457.44 đi ngược chiều, chở vợ là chị Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1992 đều ở thôn Huệ Lai, xã Phù Ủng, huyện Ân Thi ngồi phía sau, chị H đeo 01 túi xách màu đen ở bên vai trái, H nói: "*Anh ơi giật bà kia*", D bảo: "*Ừ*". H quay đầu xe đuổi theo xe của anh T, thấy vậy T cũng quay đầu đi theo xe của H. H điều khiển xe tăng tốc độ áp sát vào bên trái xe của anh T còn D ngồi sau dùng tay pH giật mạnh chiếc túi xách của chị H đang đeo, làm phần dây đeo bị đứt rời khỏi túi. Sau khi đã giật được túi, D nói: "*Chạy đi*", H tăng tốc độ nhanh chóng phóng xe bỏ chạy theo lối cũ đi về. Chị H hô: "*Cướp, cướp*" thì T đi xe từ phía sau lên hỏi vợ chồng anh T: "*Làm sao đấy*", chị H trả lời: "*Nó*

cướp anh ơi". T liền điều khiển xe đi lên phía trước xe của anh T với mục đích cản trở việc vợ chồng chị H truy đuổi xe của H và D.

Sau khi không đuổi theo được, anh T và chị H đã đến Công an huyện Ân Thi trình báo sự việc và giao nộp 01 dây đeo túi xách bằng kim loại màu vàng có gắn phần tay xách bằng nhựa màu đen

Còn D trên đường bỏ chạy cùng H, D mở túi xách thấy bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 lắp sim số 0378982763, 01 hộp giấy màu đỏ bên trong có 01 đôi bông hoa tai mỹ ký màu bạc có gắn ngọc trai mỹ ký kẹp giá nhựa màu xanh và số tiền 860.000 đồng cùng một số hóa đơn bán hàng. D bảo H đưa cho que chọc sim bằng kim loại để D tháo sim của điện thoại Samsung Galaxy J7 rồi lấy điện thoại, đôi bông hoa tai và số tiền 860.000 đồng trên cất vào túi quần. D đã vứt khẩu trang của mình cùng túi xách, hộp giấy màu đỏ, que chọc sim và sim số 0378982763 cùng một số hóa đơn bán hàng xuống cạnh mương nước dọc đường bỏ chạy về cầu Từ Ô thuộc xã Tân Trào, huyện Thanh Miện. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, H, D và T đi về quán của chị L tiếp tục uống bia đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì hết tổng cộng 410.000đồng. D lấy từ số tiền cướp giật được thanh toán trả cho chị L và lấy lại chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng của mình.

T lấy biển số 34F1-134.08 đưa cho H dùng tay lắp lại vào xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen – trắng. Sau đó, T đi về trước, còn H chở D đi đến cửa hàng điện thoại di động Huy Luân bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 cho anh Trần Văn A sinh năm 1989 ở thôn Thọ Trương, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện được 600.000 đồng, D giữ số tiền này rồi cả hai về nhà. D giấu đôi bông hoa tai mỹ ký cướp giật được trên nóc đình màn phòng ngủ của D. Đến tối cùng ngày, T có hỏi vay D 300.000 đồng, D lấy số tiền 300.000 đồng từ số tiền cướp giật được đưa cho T và nói: "*Đây là tiền của anh em, chú cứ cầm lấy, anh cầm cũng thế, ai cầm cũng thế, đằng nào mai chẳng đi uống bia*", T hiểu đây là tiền cướp giật được lúc chiều.

Do lo sợ hành vi phạm tội bị phát hiện, nên H đã vứt quần, áo, đôi dép, mũ bảo hiểm, khẩu trang sử dụng khi đi cướp giật tài sản xuống sông Trương

thuộc địa phận xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện. D thì bỏ trốn khỏi địa phương và vứt quần, áo, giầy, kính, khẩu trang sử dụng đi cướp giật tài sản ở khu vực nào không nhớ. Sau khi mua điện thoại của D, anh A đã thay pin, vỏ xương điện thoại. Ngày 13/7/2020, anh Nguyễn Văn C sinh năm 1984 ở thôn Thọ Trương, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương là anh trai của D đã mua lại chiếc main điện thoại trên hết 1.200.000 đồng rồi đưa cho chú là ông Nguyễn Văn B sinh năm 1969 ở thôn Thọ Trương, xã Lam Sơn, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương, D cũng đã đưa 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng không lắp sim của mình cho ông Bình để mang đi giao nộp.

Ngày 25/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi quản lý 01 xe mô tô biển số 34B1-080.77 có số khung C630BY425471, số máy 5C63425520, 01 áo phông dài tay màu vàng – đen cổ áo có dòng chữ MZ, 01 mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen loại A3S lắp sim seri 8984048000070418184 do Nguyễn Công T tự nguyện giao nộp; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số 330192012445 mang tên Nguyễn Công T, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số 2000014681, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 159370 đều mang tên Trần D do bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ của T tự nguyện giao nộp.

Ngày 29/6/2020, Nguyễn Văn D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 căn cước công dân số 030091008426 mang tên Nguyễn Văn D. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Văn D, đã thu giữ: 01 đôi bông tai kim loại màu trắng kẹp giá nhựa màu xanh, niêm phong ký hiệu (I). Cùng ngày, anh Trần Văn A đã tự nguyện giao nộp 01 vỏ, xương, pin của điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu đen có EMEI: 355726/09/793646/3 phần cạnh cổng sạc có dán tem ghi chữ màu đỏ: "Thành Luân Mobile 0963.709.567".

Ngày 22/7/2020, ông Nguyễn Văn B đã giao nộp: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, màu trắng không lắp sim của D; 01 Main điện thoại Sam sung Galaxy J7 có EMEI: 355726/09/793646/3.

Ngày 22/9/2020, bà Nguyễn Thị N giao nộp: 01 giấy bán xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, biển số 34B1-080.77 giữa ông Bùi D sinh năm 1971 ở thôn An Vệ, xã D Dương, huyện Gia Lộc, tỉnh H Dương với bà Nguyễn Thị N.

Kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 30/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Ân Thi kết luận: 01 (một) túi xách giả da màu đen có dây đeo, 03 ngăn, kích thước (20 x 15 x 10)cm có giá 200.000 đồng; 01 (một) điện thoại Sam sung Galaxy J7, đã qua sử dụng, đến nay có giá là 1.500.000 đồng; 02 (hai) bông đeo tai bằng bạc mỹ ký, gắn ngọc trai có giá là 50.000 đồng. Tổng cộng: 1.750.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra đã làm rõ: Chiếc xe mô tô biển số 34B1- 080.77 là tài sản hợp pháp của bà N, việc T sử dụng xe đi cướp giật tài sản bà N không biết. 01 áo phông dài tay màu vàng – đen cổ áo có dòng chữ MZ, 01 mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen loại A3S lắp sim có seri 8984048000070418184, 01 giấy phép lái xe mô tô số 330192012445 là tài sản của Nguyễn Công T. 02 bông đeo tai bằng bạc mỹ ký gắn ngọc trai kẹp giá nhựa màu xanh, 01 vỏ, xương, pin, main của điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, 01 dây đeo túi xách bằng kim loại màu vàng có gắn phần tay xách bằng nhựa màu đen là tài sản hợp pháp của chị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng không lắp sim là tài sản của D. Các tài sản trên hiện đang được quản lý tại Kho vật chứng Công an huyện.

Chiếc xe mô tô biển số 34F1-134.08 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn O sinh năm 1983 là anh trai của H giao cho bố đẻ là ông Phạm Văn N sinh năm 1961 quản lý, ông N không biết việc H lấy xe đi cướp giật tài sản, ngày 28/6/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đã tạm giao chiếc xe mô tô trên cho ông N quản lý.

Còn 01 giấy bán xe mô tô biển số 34B1-080.77 giữa ông Bùi D với bà Nguyễn Thị N, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 2000014681, 01 giấy đăng ký

xe mô tô số 159370, 01 giấy phép lái xe số 330192012445, 01 căn cước công dân số 030091008426 được chuyển kèm hồ sơ vụ án.

Đối với túi xách giả da màu đen, bên trong có một số hóa đơn bán hàng, 01 hộp giấy màu đỏ, 01 sim điện thoại số 0378982763, 01 que chọc sim, 01 áo sơ mi, 01 quần soóc, 01 đôi dép nhựa, 01 khẩu trang mà D và H khai đã vứt đi, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy.

Còn đối với quần, áo, giầy, kính, khẩu trang bị cáo D khai đã vứt đi nhưng không xác định được vứt ở đâu, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm để thu giữ.

Chị L đã sử dụng hết số tiền 410.000 đồng D thanh toán sau khi uống bia, T đã ăn tiêu hết số tiền 300.000 đồng được D đưa cho, số tiền còn lại D cũng đã ăn tiêu hết.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn C đã thay D bồi thường cho chị H số tiền 1.750.000 đồng và bỏ ra số tiền 1.200.000đ để mua lại main chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 của chị H từ anh Trần Văn A nộp cho CQĐT, bà Nguyễn Thị N thay T bồi thường cho chị H số tiền 860.000 đồng. Chị H đã nhận đủ tiền bồi thường, không có yêu cầu bồi thường thêm, đề nghị không nhận lại main, vỏ, xương, pin điện thoại, dây đeo túi xách bị cướp giật và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với số tiền anh C mua lại main điện thoại di động để giao nộp cho cơ quan điều tra và số tiền anh C và bà N đã bồi thường thay cho các bị cáo, cả anh C và bà N đều không yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn lại và cũng không có đề nghị gì khác.

Ông Phạm Văn N và bà Nguyễn Thị N không biết bị cáo H và bị cáo T sử dụng xe mô tô biển số 34F1-134.08 và xe mô tô biển số 34B1- 080.77 để đi cướp giật, bà Nguyễn Thị Nữ không biết việc D và H mượn cờ lê tháo biển số xe 34F1-134.08 để nhằm mục đích phạm tội, anh Trần Văn A không biết chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 là tài sản do các bị cáo phạm tội mà

có, chị Phạm Thị L không biết số tiền các bị cáo trả là tiền do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Ngày 30/10/2020 ông Nguyễn Văn T (anh họ của bị cáo Nguyễn Công T) đã nộp cho Tòa án huyện Ân Thi đơn đề nghị cải tạo tại địa phương của bà Nguyễn Thị N và bản pho to phiếu quân nhân của bị cáo Nguyễn Công T.

Tại bản cáo trạng số 40/QĐ- VKS ngày 21/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi đã truy tố Nguyễn Văn D, Phạm Văn H, Nguyễn Công T về tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

- Tội danh: Tuyên xử bị cáo Nguyễn Văn D, Phạm Văn H, Nguyễn Công T phạm tội Cướp giật tài sản.

- Hình phạt:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019 đối với bị cáo T.

Xử phạt:

- Nguyễn Văn D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, tính từ ngày 29/6/2020.

- Bị cáo Phạm Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, tính từ ngày 26/6/2020.

- Bị cáo Nguyễn Công T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án. Đề nghị trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo T.

Giao bị cáo T cho UBND xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Trả lại bà Nguyễn Thị N: 01 xe mô tô biển số 34B1- 080.77, 01 giấy bán xe mô tô biển số 34B1-080.77 giữa ông Bùi D với bà Nguyễn Thị N, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 2000014681, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 159370.

Trả lại bị cáo Nguyễn Công T: 01 áo phông dài tay màu vàng – đen cổ áo có dòng chữ MZ, 01 mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen loại A3S lắp sim có seri 8984048000070418184, 01 giấy phép lái xe mô tô số 330192012445 mang tên Nguyễn Công T.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng không lắp sim, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D.

Trả lại chị Nguyễn Thị Thu H: 02 bông tai mỹ ký.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 vỏ, xương, pin, main của điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, 01 dây đeo túi xách.

Không tịch thu, sung quỹ chiếc xe mô tô biển số 34F1-134.08 của anh Phạm Văn O.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Tại phiên toà các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình, bị cáo T xin được cải tạo tại địa phương.

Bà N đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe máy BKS 34B1- 080.77 và giấy tờ xe, đồng thời không yêu cầu các bị cáo pH bồi hoàn lại số tiền 860.000đ bà đã bồi thường thay.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người có QLNVLQ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Ân Thi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như bản tường trình của bị can, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường... Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 24/6/2020, tại Quốc lộ 38 thuộc địa phận thôn Đỗ Thượng, xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, Phạm Văn H có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 34F1-134.08 đi theo hướng xã Tân Phúc đi thị trấn Ân Thi chở sau là Nguyễn Văn D áp sát vào xe mô tô biển số 17B3-457.44 do anh Phạm Văn T đang điều khiển chở vợ là chị Nguyễn Thị Thu H đi cùng chiều để D dùng tay giật lấy chiếc túi xách bên trong có 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 lắp sim số 0378982763, 01 đôi bông hoa tai mỹ ký màu bạc có gắn ngọc trai mỹ ký và số tiền 860.000 đồng cùng một số hóa đơn bán hàng của chị H đang đeo ở vai trái rồi phóng xe tẩu thoát. Nguyễn Công T có hành vi điều khiển xe mô tô đi sau, cản trở việc vợ chồng anh T truy đuổi theo D và H. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 2.610.000 đồng.

Vì vậy, VKSND huyện Ân Thi truy tố các bị cáo Nguyễn Văn D, Phạm Văn H, Nguyễn Công T phạm tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quan hệ sở hữu được pháp luật bảo vệ, các bị cáo đều trẻ tuổi có đủ sức khỏe để kiếm tiền bằng sức lao động của mình và có đủ nhận thức để biết rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, muốn hưởng thụ mà không pH bỏ nhiều công sức nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi với mong muốn chiếm đoạt tài sản của người khác. Mặt khác hành vi phạm tội của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội, sử dụng thủ đoạn nguy hiểm có thể gây hậu quả xấu với sức khỏe, tính mạng của bị hại, tạo lên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm minh là cần thiết nhằm mục đích giáo dục các bị cáo và răn đe những người khác.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Văn D là người khởi xướng và cùng với Phạm Văn H là những người thực hành tích cực, Nguyễn Công T là người giúp sức.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D và bị cáo T không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo H đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo D và bị cáo T đã tác động để người thân bồi thường cho bị hại nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo D sau khi bỏ trốn đã ra đầu thú; bị cáo T có bác ruột Nguyễn Công M, Nguyễn Công N là liệt sỹ và được tặng thưởng huân chương kháng chiến, có bà nội Đỗ Thị T là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo T

cũng đã từng tham gia quân ngũ, hoàn thành nghĩa vụ quân sự và có đơn xác nhận của UBND xã D đề nghị cho bị cáo T được cải tạo tại địa phương. Vì vậy, bị cáo H được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo D được hưởng thêm 02 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo T được hưởng thêm 04 tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo D không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã từng phạm tội chiếm đoạt tài sản và bị xử phạt hành chính cũng về hành vi này nhưng nay lại tiếp tục phạm tội, giữ vai trò là người khởi xướng, thực hành tích cực trong vụ án.

Bị cáo H có nhân thân rất xấu, đã bị kết án về các tội Trộm cắp tài sản và Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản, giữ vai trò là người thực hành tích cực trong vụ án. Điều đó chứng tỏ hai bị cáo rất coi thường pháp luật, cần thiết phải có một hình phạt nghiêm khắc, cách ly hai bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo hai bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, mặc dù phạm tội có tính chất nghiêm trọng nhưng chỉ giữ vai trò giúp sức, cản trở bị hại đuổi bắt đồng phạm. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã chủ động tác động người thân bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tại phiên toà bị cáo đã nhận ra sai lầm của mình và hứa sẽ quyết tâm sửa chữa để trở thành công dân có ích cho xã hội, bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy không cần thiết pH cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh kinh tế và thu nhập của các bị cáo còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn C đã thay D bồi thường cho chị H số tiền 1.750.000 đồng và bỏ ra số tiền 1.200.000đ để mua lại main chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 của chị H từ anh Trần Văn A nộp cho CQĐT, bà Nguyễn Thị N thay T bồi thường cho chị H số tiền 860.000 đồng. Chị H đã nhận đủ tiền bồi thường, không có yêu cầu bồi thường thêm. Đối với số tiền anh C mua lại main điện thoại di động để giao nộp cho cơ quan điều tra và số tiền anh C và bà N đã bồi thường thay cho các bị cáo, cả anh C và bà N đều không yêu cầu các bị cáo pH bồi hoàn lại và cũng không có đề nghị gì khác. Vì vậy, trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

[6] Về vật chứng : 01 xe mô tô biển số 34B1- 080.77, 01 giấy bán xe mô tô biển số 34B1-080.77 giữa ông Bùi D với bà Nguyễn Thị N, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 2000014681, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 159370 mang tên Trần D là tài sản hợp pháp của bà N, bà N không biết bị cáo T dùng xe vào mục đích phạm tội nên trả lại cho bà N.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 34F1-134.08 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn O sinh năm 1983 là anh trai của H giao cho bố đẻ là ông Phạm Văn N quản lý, ông N không biết việc H lấy xe đi cướp giật tài sản nên không tịch thu, sung quỹ nhà nước chiếc xe trên.

01 áo phông dài tay màu vàng – đen cổ áo có dòng chữ MZ, 01 mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen loại A3S lắp sim có seri 898404800007041818 4, 01 giấy phép lái xe mô tô số 330192012445 mang tên Nguyễn Công T là tài sản hợp pháp của bị cáo T, không liên quan đến hành vi phạm tôi nên trả lại bị cáo Nguyễn Công T.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng không lắp sim, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D là tài sản hợp pháp của bị cáo D, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại bị cáo Nguyễn Văn D.

02 bông tai mỹ ký là tài sản của chị H bị các bị cáo chiếm đoạt, tuy nhiên trong quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn C đã thay bị cáo D bồi thường giá trị của đôi bông tai trên cho chị H, anh C không có yêu cầu đề nghị chị H pH trả lại số tiền đó nên trả lại chị Nguyễn Thị Thu H đôi bông tai đã bị chiếm đoạt.

01 vỏ, xương, pin, main của điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, 01 dây đeo túi xách là tài sản của chị H nhưng chị H không nhận lại, vật chứng cũng không có giá trị nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với túi xách giả da màu đen, bên trong có một số hóa đơn bán hàng, 01 hộp giấy màu đỏ, 01 sim điện thoại số 0378982763, 01 que chọc sim, 01 áo sơ mi, 01 quần soóc, 01 đôi dép nhựa, 01 khẩu trang mà D và H khai đã vứt đi, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ân Thi đã tiến hành truy tìm nhưng không thấy. Còn đối với quần, áo, giầy, kính, khẩu trang bị cáo D khai đã vứt đi nhưng không xác định được vứt ở đâu, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ truy tìm để thu giữ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo D.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo H.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019 đối với bị cáo T.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn D, Phạm Văn H, Nguyễn Công T phạm tội Cướp giật tài sản.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn D 04 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày 29/6/2020.

- Bị cáo Phạm Văn H 03 năm 09 tháng tù, thời gian tính từ ngày 26/6/2020.

- Bị cáo Nguyễn Công T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo T.

Giao bị cáo T cho UBND xã D, huyện Thanh Miện, tỉnh H Dương quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người bị kết án vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì áp dụng Điều 92 Luật Thi hành án hình sự 2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Trả lại bà Nguyễn Thị N: 01 xe mô tô biển số 34B1- 080.77, 01 giấy bán xe mô tô biển số 34B1-080.77 giữa ông Bùi D với bà Nguyễn Thị N, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 2000014681, 01 giấy đăng ký xe mô tô số 159370 mang tên Trần D.

Trả lại bị cáo Nguyễn Công T: 01 áo phông dài tay màu vàng – đen cổ áo có dòng chữ MZ, 01 mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu trắng, 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen loại A3S lắp sim có seri 8984048000070418184, 01 giấy phép lái xe mô tô số 330192012445 mang tên Nguyễn Công T.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn D: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng không lắp sim, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn D.

Trả lại chị Nguyễn Thị Thu H: 02 bông tai mỹ ký.

Tịch thu, tiêu hủy: 01 vỏ, xương, pin, main của điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J7, 01 dây đeo túi xách.

Không tịch thu, sung quỹ chiếc xe mô tô biển số 34F1-134.08 của anh Phạm Văn O.

(Tất cả có đặc điểm như Quyết định chuyển vật chứng số 30 ngày 21/10/2020 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/10/2020).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội năm 2016.

Mỗi bị cáo pH chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Phạm Bá Hân

Nơi nhận:
- Công an huyện Ân Thi (Nhà tạm giữ,CQĐT,CQTHAHS)
- VKS huyện Ân Thi; VKSND tỉnh Hưng Yên
- Chi cục Thi hành án Ân Thi.
- Bị cáo,bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu Hs.